

Bản án số: 35/ 2022/ HSST

Ngày: 26/ 7/ 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Cao Cường – Thẩm tra viên
Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2022/ HSST ngày 01/6/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/ QĐXXST- HS ngày 13 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên bị cáo: Lê Tuấn A, sinh năm 1992; nơi sinh tại tỉnh Ninh Bình; nơi ĐKNHTT: Xóm 10, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Số Nhà 01, đường 4, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Trần Thị P; có vợ chị Trần Nguyễn Ngọc A và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: Ngày 22 tháng 4 năm 2011, bị Công an phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 17, xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”. Lê Tuấn A chấp hành xong quyết định ngày 27 tháng 4 năm 2011.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Cao Đ, sinh năm 1970; trú tại: Phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

+ Chị Trần Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1995; trú tại: Số Nhà 01, đường 4, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Hồng G, sinh năm 1974; trú tại: Số nhà 18 A, ngõ 233, đường Đ, phố K, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T; anh Đinh Văn T; anh Lê Quốc P; bà

Nguyễn Thị L; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tuấn A làm thợ hàn cơ khí ở thành phố N, qua giao tiếp xã hội Tuấn A quen biết với anh Nguyễn Cao Đ, sinh năm 1970, trú tại phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; lợi dụng mối quan hệ quen biết với anh Đ nên Lê Tuấn A đã nhiều lần vay tiền anh Đ để kinh doanh. Đến khoảng tháng 01/2020, Lê Tuấn A lại tiếp tục gặp anh Đ để vay tiền, do số tiền vay đã nhiều nên anh Đ yêu cầu Tuấn A, muốn vay tiếp thì phải có tài sản thế chấp và cả hai vợ chồng cùng lập, ký giấy vay tiền. Vì lẽ đó, Tuấn A đã nảy sinh ý định thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho anh Đ. Khoảng tháng 09/2020, Tuấn A lên mạng Internet để tìm kiếm địa chỉ làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tìm được một trang Web quảng cáo nhận làm các loại giấy tờ giả (Tuấn A không nhớ địa chỉ tên miền) nên đã liên hệ với quản trị mạng rồi để lại số điện thoại của mình trên trang Web đó. Sau đó, một người phụ nữ nói giọng miền Nam đã gọi điện thoại theo số Tuấn A cung cấp, thống nhất các thủ tục làm giả, Tuấn A đã cung cấp thông tin người sở hữu đất và thống nhất trả công cho người này là 10.000.000 đồng và thỏa thuận sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả sẽ kiểm tra và giao tiền. Khoảng 01 tháng sau, Tuấn A nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giao đủ số tiền 10.000.000 đồng cho người giao hàng. Khoảng đầu tháng 04/2021, Tuấn A mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này thế chấp cho anh Đ nhưng không nói cho vợ mình biết. Sau đó đến ngày 25 tháng 4 năm 2021, Tuấn A bảo vợ là Trần Nguyên Ngọc A viết sẵn một giấy vay tiền với số tiền là 300.000.000 đồng để Tuấn A ký và mang đến nhà anh Đ lấy tiền, Tuấn A thỏa thuận mỗi tháng trả góp cho anh Đ 5.000.000 đồng, không tính lãi và cầm sổ đỏ để làm tin. Sau ngày 25 tháng 4 năm 2021, Tuấn A còn có nhiều lần khác vay tiền của anh Đ, với tổng số tiền vay đến ngày 02 tháng 11 năm 2021 là 643.000.000 đồng. Những lần vay sau này chỉ có Tuấn A cùng anh Đ giao dịch với nhau và không thế chấp đồ vật, tài sản gì. Đến ngày 24 tháng 11 năm 2021, Tuấn A tiếp tục hỏi vay anh Đ số tiền 450.000.000 đồng. Do không còn tiền nên anh Đ phải hỏi vay người nhà để lấy tiền cho Tuấn A vay, chiều ngày 01 tháng 12 năm 2021, sau khi anh Đ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà Tuấn A thế chấp trước đó cho người nhà xem thì người nhà anh Đ có nghi ngờ nên bảo anh Đ yêu cầu Tuấn A đi chứng thực tại Sở tài nguyên môi trường. Tuấn A biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là giả sẽ không chứng thực được nên nói với anh Đ, chỉ mang đi công chứng thôi thì anh Đ đồng ý. Buổi sáng ngày 02/12/2021, anh Đ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho chị Trần Nguyên Ngọc A (là vợ Tuấn A) mang đi công chứng. Sau đó, chị Ngọc A mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến văn phòng công chứng Đoàn Sỹ N, có trụ sở tại số 52, đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình để công chứng. Sau khi công chứng xong, hai vợ chồng Tuấn A tiếp tục viết một giấy vay tiền mới, với số tiền là 450.000.000 đồng đưa cho anh Đ nhưng anh Đ chưa giao tiền. Anh Đ cầm giấy vay tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả về nhà. Đến khoảng 17 giờ

cùng ngày, anh Đ gọi điện thoại bảo vợ chồng Tuấn A xuống nhà mình, đưa giấy tờ mua bán đất cho Tuấn A viết. Khi Tuấn A đang viết thì có anh Đinh Văn T, sinh năm 1993, trú tại phố 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là cháu họ của anh Đ) đi vào. Do đã nghi ngờ là giấy tờ giả nên anh T gọi một số người dân xung quanh đến hỗ trợ và yêu cầu Tuấn A lên trụ sở Công an thị trấn Y làm việc. Tại trụ sở Công an, Tuấn A đã thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho anh Đ để vay tiền là giả. Sau khi tiếp nhận vụ việc, Công an thị trấn Y đã chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thu giữ:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên người sử dụng Lê Tuấn A, năm sinh 1992, Căn cước công dân số 0370920008..., địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, mã CU 422324 do UBND tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14/01/2021, số vào sổ cấp GCN: CS002121.

- 01 bản sao công chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên người sử dụng Lê Tuấn A, năm sinh 1992, Căn cước công dân số 0370920008..., địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, mã CU 422324 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14/01/2021, số vào sổ cấp GCN: CS002121.

- 01 tờ giấy kích thước (23,5x16)cm, một mặt tờ giấy có nhiều dòng chữ màu xanh, nội dung thể hiện Lê Tuấn A và Trần Nguyên Ngọc A vay tiền của anh Đ, số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 25/4/2021.

- 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, một mặt tờ giấy có nhiều dòng chữ màu xanh, nội dung thể hiện Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ, số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 16/5/2021.

- 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, một mặt tờ giấy có nhiều dòng chữ màu xanh, nội dung thể hiện Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ, số tiền 16.000.000 đồng vào ngày 20/6/2021.

- 01 tờ giấy kích thước (23,5x16,3)cm, một mặt tờ giấy có nhiều dòng chữ màu đen, một mặt tờ giấy tô màu xanh, nội dung thể hiện Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ, số tiền 130.000.000 đồng (không ghi ngày).

- 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, một mặt tờ giấy có nhiều dòng chữ màu đen, nội dung thể hiện anh Đ cho Lê Tuấn A vay tiền, số tiền 32.000.000 đồng vào ngày 10/9/2021.

- 01 tờ giấy kích thước (23,5x16,3)cm, một mặt tờ giấy có nhiều dòng chữ màu xanh, nội dung thể hiện Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ, số tiền 115.000.000 đồng (không ghi ngày).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành các hoạt động điều tra để xác minh làm rõ vụ việc, xác định: Lô đất tại địa chỉ số 1, đường 4, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Tuấn A thuê làm giả thuộc sở hữu của bà Lê Thị Hồng G, sinh năm 1974, trú tại số 18A, ngõ 223, đường Đ, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Bà G chưa sang nhượng, cho, tặng hay bán mảnh đất này cho ai.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trưng cầu giám định đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CU 422324, mang tên Lê Tuấn A, năm sinh 1992, Căn cước công dân số 0370920008..., địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình do Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14 tháng 01 năm 2021, đánh ký hiệu A, gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định.

Tại bản kết luận giám định số 166/KLGD-PC09-TL ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 422324, đề ngày 14/01/2021 ký hiệu A là giả, được làm giả toàn phần (gồm cả mẫu phôi in, hình dấu và chữ ký).

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiếp tục trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký và chữ số trên các giấy vay tiền của Lê Tuấn A và Trần Nguyên Ngọc A, đánh ký hiệu từ A1 đến A3; sau đó lấy 01 mẫu so sánh trong ba bản tự khai do Trần Nguyên Ngọc A viết ký hiệu từ M1 đến M3 và 01 mẫu so sánh trong ba bản tự khai do Lê Tuấn A viết ký hiệu từ M4 đến M6 gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định.

Tại bản kết luận giám định số 192/KTHS-TL ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

1. Chữ viết, chữ số và chữ ký dạng không đọc được dưới mục "Bên vay" trên các tài liệu cần giám định A1 (trừ các chữ Lê Tuấn A dưới mục "Bên vay") so với chữ viết, chữ số và chữ ký của Trần Nguyên Ngọc A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là chữ do cùng một người viết, ký ra.

2. Các chữ "Lê Tuấn A" dưới mục "Bên vay" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ viết, chữ số và chữ ký dạng chữ viết mang tên Lê Tuấn A trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ viết, chữ số và chữ ký của Lê Tuấn A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M6 là chữ do cùng một người viết, ký ra.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Lê Tuấn A; 01 bản sao công chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên người sử dụng Lê Tuấn A; 01 tờ giấy kích thước (23,5x16)cm, trên bề mặt giấy có ghi Lê Tuấn A và Trần Nguyên Ngọc A vay tiền của anh Đ, số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ ngày 16 tháng 5 năm 2021, là 50.000.000 đồng; 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ ngày 20 tháng 6 năm 2021, là 16.000.000 đồng; 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ 130.000.000 đồng (không ghi ngày); 01 tờ giấy kích thước (23,5x16,3)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ 115.000.000 đồng (không ghi ngày); 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ ngày 10 tháng 9 năm 2021, là 32.000.000 đồng. Các giấy tờ, tài liệu trên được chuyển theo hồ sơ để xử lý theo vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền anh Đ cho Tuấn A vay, anh Đ không có yêu cầu đề nghị gì. Quá trình điều tra xác định đây là giao dịch dân sự, do hai bên tự thỏa thuận. Quá trình điều tra, Lê Tuấn A đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS -YK ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Lê Tuấn A, ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A với mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K, huyện Y nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Lê Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho anh Nguyễn Cao Đ 06 giấy vay tiền giữa bị cáo A với anh Đ (đã được chuyển theo hồ sơ vụ án).

Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Lê Tuấn A và 01 bản sao công chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên người sử dụng Lê Tuấn A, là vật chứng cấm lưu hành (đã được chuyển theo hồ sơ vụ án).

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Cao Đ không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố

tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra bị cáo Lê Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và bản kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo A làm thợ cơ khí, do quen biết với anh Đ, nên bị cáo đã nhiều lần vay tiền của anh Đ để kinh doanh, mỗi lần vay đều viết giấy tờ vay. Đến tháng 01/2020, bị cáo A tiếp tục hỏi anh Đ để vay tiền, anh Đ yêu cầu bị cáo A muốn vay tiếp thì phải có tài sản thế chấp và cả hai vợ chồng cùng ký giấy vay tiền. Do đó, bị cáo A đã nảy sinh ý định thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 09/2020, bị cáo A lên mạng Internet để tìm kiếm địa chỉ làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tìm được một trang Web quảng cáo nhận làm các loại giấy tờ giả (bị cáo A không nhớ địa chỉ) nên đã liên hệ với quản trị mạng rồi để lại số điện thoại của mình trên trang Web đó. Sau đó bị cáo A thống nhất thủ tục làm giả và cung cấp thông tin người sở hữu đất, nhận trả công cho người này là 10.000.000 đồng và thỏa thuận sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả sẽ kiểm tra và giao tiền. Sau 01 tháng thì bị cáo A nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giao đủ số tiền 10.000.000 đồng cho người giao hàng. Đến đầu tháng 04/2021, bị cáo A mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này thế chấp cho anh Đ nhưng không nói cho vợ biết. Sau đó đến ngày 25/4/2021, bị cáo A bảo vợ là chị Ngọc A viết sẵn một giấy vay với số tiền là 300.000.000 đồng để bị cáo A ký và mang đến nhà anh Đ lấy tiền, bị cáo A thỏa thuận mỗi tháng trả góp cho anh Đ 5.000.000 đồng, không tính lãi và cầm sổ đỏ để làm tin. Sau ngày 25/4/2021, bị cáo A đã nhiều lần khác vay tiền của anh Đ, với tổng số tiền vay đến ngày 02/11/2021 là 643.000.000 đồng. Những lần vay sau này chỉ có bị cáo A cùng anh Đ giao dịch với nhau và không phải thế chấp tài sản gì. Đến ngày 24/11/2021, bị cáo A tiếp tục hỏi vay anh Đ số tiền 450.000.000 đồng. Do không còn tiền nên anh Đ hỏi vay người nhà, nên chiều ngày 01/12/2021, anh Đ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà bị cáo A đã thế chấp cho người nhà xem và nghi ngờ nên bảo anh Đ yêu cầu bị cáo A đi chứng thực tại Sở tài nguyên môi trường. Bị cáo A biết là giấy giả không chứng thực được nên nói với anh Đ mang đi công chứng, anh Đ đồng ý. Sáng ngày 02/12/2021, anh Đ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho chị Ngọc A mang đi công chứng giúp. Sau đó, chị Ngọc A mang giấy này đi công chứng. Sau khi công chứng xong, bị cáo A và chị Ngọc A viết một giấy vay tiền mới, với số tiền là 450.000.000 đồng đưa cho anh Đ. Anh Đ cầm giấy vay tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Đ gọi điện thoại bảo vợ chồng bị cáo A xuống nhà, sau đó đưa giấy tờ mua bán đất cho bị cáo A viết. Khi bị cáo A đang viết thì có anh T đi vào. Do đã nghi ngờ là giấy tờ giả nên anh T gọi một số người đến hỗ trợ và yêu cầu bị cáo A lên trụ sở Công an thị trấn Y làm việc và bị cáo A đã thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho anh Đ để vay tiền là giả.

Tại bản kết luận giám định số 166/KLGD-PC09-TL ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 422324, đề ngày 14/01/2021 ký hiệu A là giả, được làm giả toàn phần (gồm cả mẫu phôi in, hình dấu và chữ ký).

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiếp tục trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký và chữ số trên các giấy vay tiền của Lê Tuấn A và Trần Nguyên Ngọc A, gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định.

Tại bản kết luận giám định số 192/KTHS-TL ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

1. Chữ viết, chữ số và chữ ký dạng không đọc được dưới mục "Bên vay" trên các tài liệu cần giám định A1 (trừ các chữ Lê Tuấn A dưới mục "Bên vay") so với chữ viết, chữ số và chữ ký của Trần Nguyên Ngọc A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là chữ do cùng một người viết, ký ra.

2. Các chữ "Lê Tuấn A" dưới mục "Bên vay" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ viết, chữ số và chữ ký dạng chữ viết mang tên Lê Tuấn A trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ viết, chữ số và chữ ký của Lê Tuấn A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M6 là chữ do cùng một người viết, ký ra.

Nội dung Điều 341 tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức:

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Tuấn A đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp, nhằm mục đích vay thêm tiền của anh Đ nêu trên đã phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể của Bộ luật hình sự. Bị cáo A là người đã trưởng thành có đủ năng lực, nhận thức và điều khiển hành vi. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Là trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng các tình tiết giảm

nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập, cũng đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện của bị cáo thấy rằng gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, chị Trần Nguyên Ngọc A (là vợ bị cáo), là người mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến văn phòng công chứng Đoàn Sỹ N có trụ sở tại số 52, đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình để công chứng nhưng chị Ngọc A không biết việc Lê Tuấn A mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, chị Ngọc A chỉ đi công chứng hộ và không xem. Do vậy, chị Ngọc A không vi phạm pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với: 01 tờ giấy kích thước (23,5x16)cm, trên bề mặt giấy có ghi Lê Tuấn A và Trần Nguyên Ngọc A vay tiền của anh Đ, số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 25/4/2021; 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ ngày 16/5/ 2021 là 50.000.000 đồng; 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ ngày 20/6/2021 là 16.000.000 đồng; 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ ngày 20/6/2021 là 16.000.000 đồng; 01 tờ giấy kích thước (23,5x16,3)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ 115.000.000 đồng (không ghi ngày); 01 tờ giấy kích thước (23,5x33,5)cm, trên bề mặt giấy có ghi số tiền Lê Tuấn A vay tiền của anh Đ ngày 10/ 9/ 2021 là 32.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 20/7/2022 anh Nguyễn Cao Đ có đơn đề nghị xin lại các tài liệu nêu trên để anh có căn cứ giải quyết vụ án dân sự sau này. Do vậy Tòa án đã lập biên bản trả lại cho anh Đ các giấy vay nợ nêu trên là phù hợp.

- Đối với: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Lê Tuấn A và 01 bản sao công chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên người sử dụng Lê Tuấn A, là vật chứng của vụ án do cầm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Do số vật chứng này được chuyển theo hồ sơ vụ án, do vậy Tòa án chuyển số vật chứng này đến Chi cục thi hành án huyện Y để thực hiện theo thẩm quyền.

Về chiếc điện thoại mà bị cáo A đã sử dụng để mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên lên mạng Internet, sau đó bị cáo A đã làm mất trước khi sự việc bị phát hiện, do không thu giữ được nên không xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Cao Đ không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo A là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Tuấn A 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập là 10 % của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo Lê Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Lê Tuấn A và 01 bản sao công chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên người sử dụng Lê Tuấn A, là vật chứng của vụ án do cấm lưu hành. Số vật chứng này được chuyển theo hồ sơ vụ án, do vậy Tòa án chuyển số vật chứng này đến Chi cục thi hành án huyện Y theo quy định.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Tuấn A phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.